

TUẦN 20

TOÁN(TĂNG)

LUYỆN TẬP: ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Khắc sâu cách đọc, viết các số tròn mười nghìn, tròn nghìn trong phạm vi 100 000 (BT1, BT2).
- Rèn kĩ năng đọc, viết các số phạm vi 100 000 (BT3, BT4).

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy
- HS:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Đố bạn số gì ?” : + Số này gồm 3 chục nghìn, 6 nghìn, 8 trăm, 5 đơn vị + Số này có chữ số chữ số 2 đứng đầu và tận cùng là bốn chữ số 0? + Số 20 000 thêm 1000 thì được số nào ? - Trong các số trên, số nào là số tròn mười nghìn, số nào là số tròn nghìn ? - Số tròn mười nghìn có tận cùng mấy chữ số 0 ? - Số tròn nghìn có tận cùng mấy chữ số 0? - Khi đọc, viết các số tròn mười nghìn, tròn nghìn em đọc, viết theo thứ tự nào ? Chốt:	 - HS chơi trò chơi - HS lắng nghe, viết số ra nháp và nêu miệng: + Số 36 805 + Số 20 000 + Số 21 000 - HS nêu. - HS nêu.

- Số tròn mười nghìn có tận cùng bốn chữ số 0. - Số tròn nghìn có tận cùng ba chữ số 0. - Đọc viết các số tròn mười nghìn, tròn nghìn cũng theo thứ tự từ trái sang phải. <i>Lưu ý:</i> Số tròn mười nghìn còn gọi là số tròn chục nghìn. GV kết hợp giới thiệu bài 2. Luyện tập Bài 1: Viết các số tròn mười nghìn trong phạm vi 100 000 theo thứ tự từ bé đến lớn. - Bước 1: Cho HS nêu miệng trong nhóm đôi. Bước 2: 1 số HS nêu miệng trước lớp. Bước 3: Cho HS viết vào vở. - Y/c nhiều học sinh đọc lại dãy số tròn mười nghìn đã viết: 10 000; 20 000; 30 000; 40 000; 50 000; 60 000; 70 000; 80 000; 90 000; 100 000 - Dãy số tròn mười nghìn là số có mấy chữ số ? Có tận cùng mấy chữ số 0 ? - Số 100 000 có mấy chữ số? Có tận cùng mấy chữ số 0? - Hai số tròn mười nghìn liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị ? Chốt : Các số tròn mười nghìn là số có năm chữ số, tận cùng là bốn chữ số 0. Hai số tròn mười nghìn liền nhau hơn kém nhau 10 000 đơn vị. Bài 2: Số ? a) 30 000; 31 000; 32 000; ...; ...; ... 36 000; ...; ...; 39 000 b) 28 000; 27 000; ...; ...; ...; 23 000;; - Y/c HS tự điền. - Cho HS đọc lại dãy số điền hoàn chỉnh. - Dãy số a được xếp theo thứ tự nào?	- HS nói trong nhóm đôi, sau đó viết vào vở. - 1 HS viết bảng lớp. - HS trả lời các câu hỏi. - HS làm bài vào vở. 2 HS làm bảng lớp. Chữa bài. - Dãy số a xếp theo thứ tự tăng dần, dãy
---	--

- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến đọc, viết số có năm chữ số, hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS tham gia trò chơi.

TOÁN(TĂNG)

LUYỆN TẬP: ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nắm vững cấu tạo của số có năm chữ số gồm các hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị (BT1, BT2).
- Có kĩ năng viết các số trong phạm vi 100000 thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm chục, đơn vị và ngược lại (BT3, BT4)

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: PBT cho BT1, máy chiếu
- HS:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - Y/c HS làm việc nhóm đôi, 2 HS làm trên bảng lớp: + Lấy VD bất kì về số có năm chữ số. + Đọc số vừa viết. + Viết số đó thành tổng của các các chục nghìn, nghìn, trăm chục, đơn vị. - HĐ cả lớp: + Số có năm chữ số gồm mấy hàng ? Đó là những hàng nào ? + Khi đọc, viết các số có năm chữ số, ta đọc, viết theo thứ tự nào ? Chốt: Số có năm chữ số gồm có năm hàng: hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị. Đọc, viết các số có năm chữ số theo thứ tự từ trái sang phải (từ hàng cao nhất).	- HS viết số trên giấy nháp->nói trong nhóm đôi. VD: + Số: bốn mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi hai. + $45\ 782 = 70\ 000 + 5000 + 700 + 80 + 2$ - HS trả lời.
2. Luyện tập	- HSq/s, nắm y/c cần

Bài 1: Hoàn thành phiếu bài tập sau:

Hàng					Đọc số	Viết số
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
6	3	5	1	5	...	...
...	...	...	...	...	...	40721
...	...	...	...	...	Năm mươi lăm nghìn không trăm hai mươi	
7	0	9	0	9	...	...

- GV phát PBT -> trình chiếu PBT. Cho HS nắm cấu tạo và thông tin cần điền vào các hàng, cột trong PBT.

- Y/c HS tự hoàn thành PBT.

Chữa bài trên máy chiếu.

- Y/c 1 số HS đọc lại các số có trong BT1.

+ Các số trên là số có mấy chữ số? Số có năm chữ số gồm có mấy hàng, là những hàng nào?

Lưu ý HS cách đọc các số khi các hàng có chữ số 0

Bài 2: Viết số, biết số đó gồm:

a) 7 chục nghìn, 8 nghìn, 2 trăm, 3 chục và 1 đơn vị.

b) 4 chục nghìn, 5 nghìn, 7 trăm, 1 chục

c) 8 chục nghìn, 2 trăm, 6 chục và 3 đơn vị.

d) 1 chục nghìn, 8 nghìn, 2 trăm, 6 chục

- Y/c HS tự làm vở.

- Cho HS đọc lại các số vừa viết.

Bài 3: Viết các số thành tổng (theo mẫu):

a) $29\ 315 = 20\ 000 + 9000 + 300 + 10 + 5$

b) $40\ 467 =$

c) $67\ 086 =$

d) $20\ 300 =$

- Cho HS tự làm, chữa bài, lưu ý trường hợp các hàng

điền vào PBT.

- HS làm bài cá nhân, kiểm tra chéo trong nhóm đôi.

- HS tự làm vở, nhận xét trong nhóm đôi

- HS làm bài vào vở. 1 số HS chữa bài trên bảng.

là chữ số 0. - Y/c HS đọc lại các số ở BT3. Chốt: Khi viết các số thành tổng các hàng, nếu hàng nào là chữ số 0 thì không cần viết hàng đó vào tổng (vì cộng 0 thì tổng không thay đổi). Bài 4: Viết số (theo mẫu) $90000 + 3000 + 400 + 20 + 1 = 93\ 421$ $80\ 000 + 2000 + 100 + 50 + 5 =$ $30\ 000 + 1000 + 500 + 70 =$ $10000 + 4000 + 300 + 3 =$ $20\ 000 + 400 =$ - Chữa bài, lưu ý các hàng là chữ số 0. 4. Vận dụng. - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì? - Nhắc lại cấu tạo các số có năm chữ số. Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến đọc, viết số có năm chữ số, hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS tự làm vở, tự kiểm tra chéo.
---	--

TOÁN(TĂNG)

LUYỆN TẬP: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nắm chắc quy tắc so sánh các số trong phạm vi 100 000. So sánh được các số trong phạm vi 100 000 (BT1).

- Vận dụng cách so sánh số để tìm số lớn nhất, số bé nhất và xếp thứ tự các số trong một dãy số (BT2, 3, 4).

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy chiếu

- HS:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - Viết một số có ba hoặc bốn chữ số, một số có năm chữ số. - So sánh hai số đó. - Viết hai số có năm chữ số. So sánh hai số đó. - Khi so sánh các số không cùng số chữ số, ta so sánh thế nào ? - Khi so sánh hai số có cùng số chữ số, ta so sánh thế nào ? Chốt: Trong hai số: - Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn. Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn. <i>Nếu hai số có cùng số chữ số:</i> - Lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng, kể từ trái sang phải, cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. 2. Luyện tập Bài 1: Điền dấu $<$, $>$ hoặc $=$ vào chỗ chấm: 3564 3546 5079 ... 5100 49995000 8005 ... 8000 + 5 999 1001 7638 ... 7000 + 368 2014 2013 6097 ... 600 + 79 - Y/c HS đọc đề bài, tự làm bài cá nhân. Chữa bài, giải thích tại sao em chọn điền dấu đó. Lưu ý: Khi một vế so sánh là một phép tính, ta cần thực hiện phép tính rồi mới so sánh. Bài 2: a) Khoanh vào số lớn nhất trong các số sau: 2345; 2354; 3245; 3254 b) Khoanh vào số bé nhất trong các số sau: 21 134; 12 141; 1234; 21 431 - Để xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một dãy số, em làm thế nào? Chốt: Để xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một dãy số, ta cần so sánh các số trong dãy số	- HS làm nháp. 2 HS làm bảng lớp. VD: $3523 < 12\ 316$ $45\ 123 > 46\ 213$ - Nếu hai số không cùng số chữ số, thì số nào ít chữ số hơn thì nhỏ hơn và ngược lại. - Nếu hai số có cùng số chữ số thì ta so sánh các cặp chữ số cùng hàng, bắt đầu từ hàng cao nhất. - Nhiều học sinh nhắc lại kết luận. - HS làm vở cá nhân. 1 số HS chữa bài bảng. - HS đọc đề bài, nắm y/c. - HS thảo luận, nêu miệng kq. - HS nêu cách làm.

đó. Bài 3: Cho các số sau: 20 021; 3211; 20 411; 12 122. a) Xếp các số trên theo thứ tự tăng dần. b) Xếp các số trên theo thứ tự giảm dần. - Y/c HS đọc đề bài, xác định y/c. - Thứ tự tăng dần là thứ tự nào ? - Thứ tự giảm dần là thứ tự nào ? - Y/c HS tự làm. Chữa bài. Lưu ý HS cần kiểm tra xem đã xếp đủ các số đã cho chưa, tránh bỏ sót. - Để xếp đúng thứ tự các số, em làm thế nào ? Chốt: Để xếp đúng thứ tự các số trong một dãy số, ta cũng cần so sánh các số trong dãy số đó. Bài 4: Trò chơi: Đố bạn số gì ? - Số bé nhất có bốn chữ số là ... - Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau là ... - Số lớn nhất có bốn chữ số là ... - Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau là ... - GV trình chiếu các câu đố lên bảng, chỉ định một HS làm quản trò. Quản trò đọc từng câu đố và mời một bạn bất kì trả lời, nếu bạn trả lời đúng thì được thưởng tràng pháo tay. 4. Vận dụng - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì? - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến so sánh số, hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS đọc, nắm y/c BT. - Thứ tự tăng dần là thứ tự từ bé đến lớn. - Thứ tự giảm dần là thứ tự từ lớn đến bé. - HS tự làm vở. Chữa bài. - HS tham gia trò chơi, lắng nghe các câu đố, xung phong trả lời.
---	---